



quán měi chāo

全美超

proper noun (abbreviation) · America's Next Top Model

Example Sentences

tā zuì xǐ huān kàn de jié mù shì quán měi chāo
她最喜欢看的节目是全美超。

Her favorite show is America's Next Top Model.

quán měi chāo de píng wěi fēi cháng yán gé
全美超的评委非常严格。

The judges of America's Next Top Model are very strict.

Trace each character, then write the word on your own.

全	全	全	全	全	全	全	全	全		
美	美	美	美	美	美	美	美	美	美	美
超	超	超	超	超	超	超	超	超	超	超
超	超	超	超							